

THCS TRẦN VĂN ĐĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NHÓM NGŨ VĂN 7

NỘI DUNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN

TUẦN 4 (27/9 – 2/10/2021)

	TIẾT 13	TIẾT 14	TIẾT 15	TIẾT 16
TUẦN 4 27/9–2/10	Những câu hát than thân	Những câu hát châm biếm	Đại từ	Luyện tập tạo lập văn bản

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP :

1. Trước mỗi buổi học, các em đọc trước **phần Lý thuyết** của mỗi bài học trong SGK và trong tài liệu này.
2. Sau các buổi học trực tuyến, các em hoàn thành **phần Bài tập** trong tài liệu này, nộp cho GV qua địa chỉ mail hoặc zalo của GV. Bài làm có thể đánh máy hoặc viết tay. **Chú ý ghi rõ họ tên và lớp của các em khi nộp bài.**

PHẦN LÝ THUYẾT

TIẾT 13:

NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

Hiểu giá trị tư tưởng, nghệ thuật đặc sắc của những câu hát than thân.

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Hiện thực về đời sống của người dân lao động qua các bài hát than thân.
- Một số biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong việc xây dựng hình ảnh và sử dụng ngôn từ của các bài ca dao than thân.

2. Kỹ năng:

- Đọc – hiểu những câu hát than thân.
- Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của những câu hát than thân trong bài học.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Nội dung

Nỗi niềm thương thân và thương những người đồng cảnh ngộ của những người lao động xưa

Tổ cáo xã hội phong kiến đã gây bao cảnh trái ngang khiến cho người nông dân phải chịu nhiều cay đắng.

2. Nghệ thuật

- Vận dụng các phương thức biểu đạt biểu cảm trữ tình.
- Sử dụng các hình ảnh so sánh, ẩn dụ....

3. Ý nghĩa văn bản

“Những câu hát than thân” có số lượng lớn và rất tiêu biểu trong kho tàng ca dao, dân ca Việt Nam. Những câu hát đó thường dùng các sự vật, con vật gần gũi, nhỏ bé, đáng thương làm hình ảnh biểu tượng, ẩn dụ, so sánh để diễn tả tâm trạng, thân phận con người. Ngoài ý nghĩa “than thân”, đồng cảm với cuộc đời đau khổ, đắng cay của người lao động, những câu hát này còn có ý nghĩa phản kháng, tố cáo xã hội phong kiến.

TIẾT 14:

NHỮNG CÂU HÁT VỀ CHÂM BIẾM

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Hiểu giá trị tư tưởng, nghệ thuật đặc sắc của những câu hát châm biếm.
- Biết cách đọc diễn cảm và phân tích ca dao châm biếm.

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Ứng xử của tác giả dân gian trước những thói hư, tật xấu, những hủ tục lạc hậu.
- Một số biện pháp nghệ thuật tiêu biểu thường thấy trong các bài ca dao châm biếm.

2. Kỹ năng:

- Đọc – hiểu những câu hát châm biếm.
- Phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của những câu hát châm biếm trong bài học.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Nội dung

- Phê phán những hủ tục trong xã hội, những thói hư tật xấu của con người.

- Châm biếm, đả kích tầng lớp thống trị ngày xưa

2. Nghệ thuật

- Vận dụng các phương thức biểu đạt biểu cảm trữ tình.
- Sử dụng các hình ảnh so sánh, ẩn dụ.....

3. Ý nghĩa văn bản

“Những câu hát châm biếm” đã thể hiện khá tập trung nét đặc sắc nghệ thuật trào lộng dân gian Việt Nam. Qua các hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng, biện pháp nói ngược và phóng đại ... những câu hát châm biếm ấy đã phơi bày các sự việc mâu thuẫn, phê phán thói hư tật xấu của những hạng người và sự việc đáng cười trong xã hội.

1. Tìm hiểu chung:

Đại từ dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất... được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc lời nói.

Đại từ có thể đảm nhiệm các vai trò ngữ pháp như chủ ngữ, vị ngữ trong câu hoặc phụ ngữ của danh từ, của động từ, của tính từ...

Đại từ để trỏ dùng để :

- + Trỏ người, sự vật (gọi là đại từ xưng hô)
- + Trỏ số lượng.
- + Trỏ hoạt động, tính chất, sự việc.

Đại từ để hỏi dùng để :

- + Hỏi về người, sự vật
- + Hỏi về số lượng.
- + Hỏi về hoạt động, tính chất, sự việc.

2. Luyện tập

- Phân biệt và nhận diện được đại từ dùng để trỏ và đại từ dùng để hỏi.
- Xác định ngôi, số của đại từ xưng hô.
- Biết sử dụng đại từ xưng hô cho phù hợp.

TIẾT 15:

ĐẠI TỪ

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Nắm được khái niệm đại từ, các loại đại từ.
- Có ý thức sử dụng đại từ phù hợp với yêu cầu giao tiếp.

Lưu ý: học sinh đã học về đại từ ở Tiểu học

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức:

- Khái niệm đại từ
- Các loại đại từ.

2. Kỹ năng:

- Nhận biết đại từ trong văn bản nói và viết.
- Sử dụng đại từ phù hợp với yêu cầu giao tiếp.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

2. Tìm hiểu chung:

Đại từ dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất... được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc lời viết.

Đại từ có thể đảm nhiệm các vai trò ngữ pháp như chủ ngữ, vị ngữ trong câu hoặc phụ ngữ của danh từ, của động từ, của tính từ...

Đại từ để trỏ dùng để :

- + Trỏ người, sự vật (gọi là đại từ xưng hô)
- + Trỏ số lượng.
- + Trỏ hoạt động, tính chất, sự việc.

Đại từ để hỏi dùng để :

- + Hỏi về người, sự vật
- + Hỏi về số lượng.
- + Hỏi về hoạt động, tính chất, sự việc.

2. Luyện tập

- Phân biệt và nhận diện được đại từ dùng để trỏ và đại từ dùng để hỏi.
- Xác định ngôi, số của đại từ xưng hô.
- Biết sử dụng đại từ xưng hô cho phù hợp.

TIẾT 16:

LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Củng cố lại những kiến thức có liên quan đến việc tạo lập văn bản và làm quen hơn nữa với các bước của quá trình tạo lập văn bản.
- Biết tạo lập một văn bản tương đối đơn giản, gần gũi với đời sống và công việc học tập của học sinh.

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

2. Kiến thức:

Văn bản và quy trình tạo lập văn bản.

2. Kỹ năng:

Tiếp tục rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

Hs thực hiện luyện tập theo yêu cầu của giáo viên.

PHẦN BÀI TẬP

Trò chơi : sưu tầm 10 câu ca dao viết về chủ đề châm biếm, than thân